TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 138/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 27-11-2019
V/v: "*ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Tấn Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Cao Hoài Hiêm.

Ông Lê Văn Đức.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hoàng Liêm là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng tham gia phiên toà: Ông Đặng Văn Lớn - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 603/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2019 về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 135/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 57/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 12 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1967; địa chỉ: Ấp S, xã Đ, huyện T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt có đơn đề nghị vắng mặt.

Bị đơn: Ông Bùi Tiến Q, sinh năm 1972; địa chỉ: Ấp L, xã H, huyện T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22 tháng 8 năm 2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn, bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà và ông Q chung sống với nhau vào năm 2002, không tổ chức lễ cưới, không đăng ký kết hôn, do trước đây hai bên đã lập gia đình 01 lần đổ vỡ, bà và ông Q đều có nhà riêng, khi đó ông Q đến sống với bà, hàng ngày bà buôn bán còn ông Bùi Tiến Q đi làm công nhân. Đến năm 2007, bà sinh con tên Nguyễn

Ngọc Ánh K, sinh ngày 22-3-2007, hiện bà đang nuôi. Trong thời gian đi làm, ông Q thích sống buôn thả bên ngoài, quan hệ với người phụ nữ khác, vì thương con nên bà cố gắng chịu đựng và cho chồng nhiều cơ hội sửa chữa. Cho đến tháng 7 năm 2017, ông Q có người phụ nữ thực sự bên ngoài nên bà và ông Q sống ly thân, ông Q bỏ đi lâu lâu mới về thăm con. Nay tình cảm vợ chồng không còn, bà yêu cầu được ly hôn với ông Bùi Tiến Q.

Về con chung: Có 01 cháu tên Nguyễn Ngọc Ánh K, sinh ngày 22-3-2007, bà yêu cầu được nuôi dưỡng, không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà khai không có, nên không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Bùi Tiến Q đã được Tòa án tiến hành các thủ tục tố tụng nhưng ông vẫn vắng mặt không đến Tòa án nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không nộp bản tự khai, không tham gia phiên họp, không tham gia hòa giải, không tham gia phiên tòa xét xử vụ án, là chưa chấp hành đúng nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53; Điều 81 và Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 31-12-2016. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị H và ông Bùi Tiến Q. Giao cháu Nguyễn Ngọc Ánh K, sinh ngày 22-3-2007 cho bà H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ghi nhận bà H không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, ông Bùi Tiến Q vắng mặt không đến tham gia phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Q là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Bùi Tiến Q tự nguyện chung sống với nhau, không đăng ký kết hôn. Xét thấy, trong quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ tháng 7 năm 2017 cho đến nay. Xét việc bà H và ông Q chung sống như vợ chồng từ năm 2002 mà không đăng ký kết hôn nên trường hợp này được xem là hôn nhân không hợp pháp đã vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Nay bà H khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với ông Bùi Tiến Q, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị H và ông Bùi Tiến Q.

[3] Về con chung: Bà H và ông Q chung sống với nhau có một con chung tên Nguyễn Ngọc Ánh K, sinh ngày 22-3-2007, hiện đang sống với bà H, đồng thời bà H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu K. Cháu K cũng có nguyện vọng được sống với bà H. Do đó, để đảm bảo cho sự phát triển tâm sinh lý của cháu K cần giao cháu K cho bà H được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục phù hợp. Ghi nhận bà H không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

[5] Đương sự phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 227, Điều 235, Điều 264 và Điều 267 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình;

Tuyên xử:

1. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị H và ông Bùi Tiến Q.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị H được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Ngọc Ánh K, sinh ngày 22-3-2007. Bà H không yêu cầu, ông Q không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Bùi Tiến Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0017527 ngày 28-8-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng; bà H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Bà H và ông Q vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Trảng Bàng;
- Chi cục THADS huyện Trảng Bàng;
- Đương sự;
- Lưu: VT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Tấn Đạt